

PHẬT GIÁO QUẢNG NAM DƯỚI THỜI CÁC CHÚA NGUYỄN (1558 – 1777)

QUANGNAM BUDDHISM IN THE NGUYEN LORDS PERIOD (1558 – 1777)

Nguyễn Duy Phương

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng

Email: phuongduyls@gmail.com

TÓM TẮT

Vùng đất Quảng Nam thuộc Đại Việt từ cuộc hôn nhân lịch sử đặc sắc giữa công chúa Huyền Trân (Đại Việt) và vua Chế Mân (Champa) năm 1306, nhưng phải đến thời các chúa Nguyễn, nơi đây mới thực sự có nhiều người Việt đến xây dựng làng ấp, định cư sinh sống lâu dài. Một trong những nhân tố quan trọng góp phần giúp các chúa Nguyễn biến vùng đất Quảng Nam trở thành miền đất hứa của lưu dân Việt phải kể đến đó là Phật giáo. Bằng các tư liệu lịch sử và điền dã, chúng tôi cố gắng tái hiện lại diện mạo, rút ra đặc điểm của Phật giáo Quảng Nam dưới thời các chúa Nguyễn, phân tích thái độ, chính sách của các chúa Nguyễn đối với Phật giáo. Điều này là rất cần thiết nhằm góp phần làm rõ công cuộc mở mang lãnh thổ về phương Nam của dân tộc Việt cũng như sự nghiệp của dòng họ Nguyễn.

Từ khóa: Phật giáo; Chúa Nguyễn; Quảng Nam; lưu dân; chùa chiền.

ABSTRACT

Quangnam was formed by a special historic marriage between Huyen Tran Princess (Dai Viet) and Che Man King (Champa) in 1306; however, up to the Nguyen Lords period (XVI century), a lot of Vietnamese people came and settled here. Buddhism was one of the important factors making the Nguyen Lords transform Quangnam region into the promised land of Vietnamese immigrants. Based on historical and fieldwork documents, we reconstruct physiognomy, infer the characteristics of Quangnam Buddhism in the Nguyen Lords period and analyze Nguyen Lords' attitude and policies on Buddhism. This is essential in order to clarify the reason for territorial expansion to the South of Vietnam as well as the cause of the Nguyen Lords.

Key words: Buddhism; Nguyen Lords; immigrant; Quangnam; pagoda.

1. Đặt vấn đề

Khai sinh từ cuộc hôn nhân lịch sử đặc sắc giữa công chúa Huyền Trân (Đại Việt) và vua Chế Mân (Champa) năm 1306, nhưng phải đến thời chúa Nguyễn, Quảng Nam mới thực sự trở thành miền đất hứa để lưu dân Việt định cư sinh sống lâu dài. Một trong những nhân tố quan trọng góp phần giúp các chúa Nguyễn biến vùng đất vốn được xem là “*ô châu ác địa*” này thành nơi “*xây dựng cơ nghiệp muôn đời*” phải kể đến đó là Phật giáo.

Chính vì vậy, việc tìm hiểu tình hình, đặc điểm của Phật giáo Quảng Nam trong giai đoạn lịch sử này là rất cần thiết, để góp phần làm rõ hơn công cuộc mở mang lãnh thổ về phương Nam của dân tộc Việt cũng như sự nghiệp của dòng họ Nguyễn.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Cơ sở xác lập địa vị của Phật giáo trên vùng đất Quảng Nam

Sau khi Trịnh Kiểm sát hại Long Quận Công Nguyễn Uông để thu tóm quyền lực, Đuan Quận Công Nguyễn Hoàng sợ mình có thể bị hãm hại nên đã nhờ chị ruột là Nguyễn Ngọc Bảo, vợ của Trịnh Kiểm xin cho vào trấn thủ vùng Thuận Hóa. Trịnh Kiểm thấy đó là cách đẩy Nguyễn Hoàng vào hang hùm có lợi cho mình nên đã tâu với vua Lê Anh Tông cho Nguyễn Hoàng thực hiện mong muốn đó. Nhưng Trịnh Kiểm đâu ngờ rằng chính hành động này của mình đã là duyên cớ cho sự ra đời của vùng đất Đàng Trong cùng với sự lên ngôi trị vì của các chúa Nguyễn. Bởi lẽ,

xuất phát từ ý đồ xây dựng thể lực riêng, dần dần tách khỏi sự lệ thuộc của chính quyền Lê – Trịnh ở Đàng Ngoài, Đuan Quận Công Nguyễn Hoàng và các chúa Nguyễn sau này đã tận dụng những ưu thế sẵn có về “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” để nhanh chóng biến nơi “ô châu ác địa” thành vùng đất trù phú, dân cư đông đúc, xây dựng nên chính quyền độc lập vững mạnh, ly khai hẳn với triều đình Lê – Trịnh.

Dựng nghiệp trên vùng đất biên viễn với nhiều thành phần cư dân phức tạp, không chỉ có người Chăm bản địa mà còn có cả người Trung Quốc, người Nhật và cư dân Việt từ Đàng Ngoài vào sinh sống, lại luôn phải đối phó với thế lực họ Trịnh ở phương Bắc, các chúa Nguyễn phải đối mặt với nhiều vấn đề phức tạp đe dọa đến sự tồn vong. Trong hoàn cảnh đó, các chúa Nguyễn đã chọn Phật giáo như một giải pháp tối ưu để xây dựng nền tảng văn hóa tâm linh, đạo đức cho vùng đất mới.

Trong hành trang của lưu dân mở cõi, đạo Phật đã đáp ứng được cả về mặt tâm linh lẫn quan niệm và lối sống cho họ. Sự dần thân của các lưu dân trong công cuộc khai phá miền đất mới là cuộc phiêu lưu đầy mạo hiểm, đầy bất trắc của thiên nhiên và xã hội, thì quan niệm nhân duyên, vô thường và triết lí tùy duyên của Phật giáo đã đem lại cho những người dân nơi đây một quan niệm, một thái độ ứng xử đúng mực, không bị quan trước hoàn cảnh mà mỗi con người không được quyền chọn lựa đối với nhiều điều luôn xảy ra ngoài ý muốn.

Lúc này, nếu đem Nho giáo ra áp dụng thì không phù hợp vì những lưu dân Việt đã chán ngán với tư tưởng hủ lậu của Nho giáo gò bó họ bao đời. Hơn nữa, Nho giáo hoàn toàn xa lạ với văn hóa Chăm – nền văn hóa bản địa đã tồn tại từ lâu đời trên vùng đất này nên dễ đưa đến sự xung đột tôn giáo, ảnh hưởng đến sự cai trị của nhà chúa. Phật giáo với tư tưởng khoáng đạt không chấp nê sự chính thống hay phản nghịch của chúa Nguyễn, các nhà sư Phật giáo với sự nhập thế tích

cực đã đem lại niềm an lạc trong đời sống tinh thần của những người Việt di cư. Thêm vào đó, Phật giáo có sự tương đồng trong việc thờ tự của người Chăm nên họ không cảm thấy bỡ ngỡ khi tiếp cận. Về vấn đề này, nhà sử học Li Tana cũng đã nhận định như sau:

“Trong tình hình mới này, các nhà lãnh đạo họ Nguyễn cảm thấy cần phải đưa ra một cái gì đó khác với tín ngưỡng của người Chăm để củng cố các di dân người Việt về mặt tinh thần và tâm lý. Không thể sử dụng Khổng giáo vì những khẳng định cơ bản của Khổng giáo trực tiếp mâu thuẫn với vị trí của họ Nguyễn bị coi là một chế độ ly khai và nổi loạn đối với triều đình. Tuy nhiên, họ Nguyễn lại không dám đi quá xa và không dám tìm ra một giải pháp hoàn toàn khác biệt với truyền thống của người Việt ở phía Bắc. Trong những hoàn cảnh đó, Phật giáo Đại Thừa đã cung cấp một giải pháp đáp ứng nhu cầu của họ Nguyễn. Phật giáo, một mặt đẩy mạnh bản sắc dân tộc của người Việt và mặt khác làm lắng đọng các mối lo âu của người di dân mà không đặt lại vấn đề về tính hợp pháp của những người cai trị” [3, tr.194].

Quảng Nam trong hai thế kỉ XVII, XVIII là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của cả Đàng Trong, giữ vai trò như một thủ phủ thứ hai của chúa Nguyễn (chỉ đứng sau Phủ chúa ở Thuận Hóa). Ngay lần đầu vượt qua đèo Hải Vân, chúa Nguyễn Hoàng đã nhận thấy *“Quảng Nam đất tốt dân đông, sản vật giàu có”* và khẳng định *“Chỗ này là đất yết hầu của miền Thuận Quảng”*. Nhận thấy được ưu thế vượt trội về địa lý lẫn tài nguyên của vùng đất Quảng Nam nên ngay sau đó chúa đã cho lập dinh trấn tại xã Cần Húc, huyện Duy Xuyên và cử Hoàng tử thứ sáu là Nguyễn Phúc Nguyên vào trấn thủ (1602). Trước lúc lâm chung, vị chúa khai lập đất Đàng Trong vẫn không quên nhắc nhở con cháu về vai trò của vùng đất Quảng Nam đối với cơ nghiệp muôn đời của dòng họ: *“Đất Thuận Quảng phía Bắc có núi Hoành Sơn và sông Linh Giang hiểm trở, phía Nam có núi Hải Vân và núi Đá Bia bền vững. Nơi sẵn vàng, sắt, biển có cá, muối, thật là đất dụng võ của người*

anh hùng, nếu biết dạy dân luyện binh để chống chọi với họ Trịnh thì đủ xây dựng cơ nghiệp muôn đời” [7, tr.79].

Từ dụng ý muốn dùng Phật giáo làm cơ sở để xây dựng chính quyền, thu phục nhân tâm, phát triển những vùng đất mới nên cùng với việc lập dinh trấn tại xã Cần Húc thuộc huyện Duy Xuyên, phủ Điện Bàn, chúa Nguyễn Hoàng đã cho “dựng chùa Long Hưng ở phía Đông trấn” [5, tr.42]. Có thể khẳng định đây là ngôi chùa đầu tiên được xây dựng trên đất Quảng Nam dưới thời các chúa Nguyễn. Từ đây, Phật giáo Quảng Nam liên tục nhận được sự hộ trì mạnh mẽ của chính quyền họ Nguyễn, hình thành nên một trang sử mới của Phật giáo nơi đây.

2.2. Tình hình Phật giáo Quảng Nam dưới thời các chúa Nguyễn

Được sự ưu ái của các chúa Nguyễn, trên vùng đất Quảng Nam, nhiều chùa tháp Phật giáo có quy mô lớn đã được xây dựng. Từ các nguồn sử liệu, chúng tôi đã thống kê được khoảng 20 ngôi chùa được xây dựng trong giai đoạn này. Điều đặc biệt là không chỉ có những ngôi chùa do các chúa Nguyễn tổ chức xây dựng mà sự tăng và dân chúng khắp các thôn làng cũng tự bỏ tiền của dựng chùa, xây tháp thờ Phật, thậm chí có cả chùa do người Nhật và người Hoa xây dựng như chùa Tùng Bồn (Hội An) là do Kadoya - một thương nhân người Nhật xây dựng năm 1670 hay như chùa Láng Thọ (Hội An) do sư Minh Lượng người Trung Quốc xây dựng năm 1676. Những thương nhân ngoại quốc cũng chính là những người đã cúng nhiều tiền của để xây dựng chùa. Bia Phổ Đà Sơn Linh Trung Phật bi tại Động Hoa Nghiêm (1640) do Thiền sư Huệ Đạo Minh lập khi xây dựng lại chùa Bình An còn ghi lại danh sách những người cúng tiền để xây dựng chùa. Điều thú vị là trong danh sách này ngoài người Việt còn có người Nhật và người Hoa cư trú tại Hội An. Điều này chứng tỏ sức ảnh hưởng của Phật giáo ở đây không chỉ bó hẹp trong phạm vi người bản địa, mà còn thu hút được sự quan tâm của đông đảo các thương nhân đến từ các quốc gia khác nhau. Đồng thời, sự hiện diện của các ngôi

chùa của người Nhật và người Hoa trên vùng đất Quảng Nam cũng đã làm cho hệ thống chùa tháp nơi đây trở nên đa dạng về mặt kiến trúc, cũng như lễ nghi, sinh hoạt tôn giáo.

Một trong những trung tâm Phật giáo lớn ở Quảng Nam trong giai đoạn này phải kể đến đó là núi Ngũ Hành Sơn. Trong vài ba thế kỉ tiếp quản và định cư, người Việt đã tạo dựng ở Ngũ Hành Sơn một hệ thống chùa chiền dày đặc, hầu như ngọn núi nào, hang động nào cũng dựng được chùa, đặt miếu để thờ Phật, hoặc thờ những vật linh khí của nhà Phật. Chỉ tính riêng ở núi Thủy Sơn đã có bốn chùa và hàng chục hang động lớn nhỏ tham gia thờ tự. Đó là chùa Tam Thai, Linh Ứng, Trang Nghiêm, Từ Tâm; hang động thì có Thiên Phước Đạt, Huyền Không, Tàng Chân, Linh Nhan, Quan Thế Âm, Vân Nguyệt, Vân Thông, Thiên Long... Nơi đây cũng đã đón tiếp rất nhiều vua chúa, quan lại, thương khách, sư tăng trong và ngoài nước viếng thăm. Dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu, năm Ất Hợi (1695), Ngũ Hành Sơn cũng đã vinh dự được Hòa thượng Thạch Liêm (Thích Đại Sán) ghé thăm. Trong hồi kí Hải ngoại ký sự, Hòa thượng đã ghi lại những ấn tượng của mình về vùng núi này như sau:

“Đây là núi Tham Thai, ngôi chùa ấy tức là đạo tràng của ngài Quả Hoàng (Hưng Liên) Quốc sư ngày mai chắc sẽ qua đó chơi... Đi quanh mé núi thấy có viên ngọc đứng thẳng lên, có viên ngọc ngược xuống, nhưng chẳng thấy chùa ở đâu, mới trông qua thấy thô lỗ tưởng chẳng có gì kì thú vậy. Chúng tôi đi cách núi chừng nửa dặm thấy một thầy sãi đứng nhìn chăm chú, rồi chạy chui vào kẽ đá sau núi đi mất. Trước núi có một cái gò, trước gò trèo lên chừng năm bước có một ngôi chùa cổ; Sãi trông chùa đánh chuông trống, mặc áo tràng ra rước vào lễ Phật” [6, tr 147-148].

Cùng với sự đa dạng về chùa tháp, trong giai đoạn này, ở Quảng Nam cũng hiện diện nhiều tông phái Phật giáo lớn lúc bấy giờ như phái Thiền Trúc Lâm, Thiền Lâm Tế, Thiền Tào Động. Ngoài các sư tăng người Việt, các sư tăng Trung Quốc cũng đã đóng góp rất lớn trong việc du nhập và truyền bá các tông phái Phật giáo này.

Dưới thời chúa Nguyễn Phúc Tần, Thiền sư Minh Châu - Hương Hải thuộc phái thiền Trúc Lâm đã vào hoàng hóa tại Quảng Nam. Ngài lập thảo am tu hành tại đảo Tiêm Bút La (Cù Lao Chàm ngày nay) và truyền bá phái thiền Trúc Lâm khắp các vùng Quảng Nam nhưng rất tiếc thời gian Ngài hoàng hóa tại đây quá ngắn ngủi nên không gây ảnh hưởng gì lớn đối với Phật giáo nơi đây.

Tông phái phát triển mạnh mẽ nhất ở Quảng Nam lúc bấy giờ phải kể đến đó là phái Tào Động gắn với tên tuổi của Quốc sư Hưng Liên. Ông là người đầu tiên đem tông phái Tào Động vào Đàng Trong và cũng là người có công lớn trong việc truyền bá phái Tào Động ở Quảng Nam. Quốc sư Hưng Liên trú trì Chùa Tam Thai, ở núi Ngũ Hành Sơn, đây cũng là nơi đầu tiên ở Đàng Trong đón nhận và phát triển dòng thiền Tào Động. Trong suốt hai thế kỉ XVII, XVIII, phái thiền Tào Động đã hoạt động rất mạnh ở Quảng Nam, có ảnh hưởng lớn đến đời sống tâm linh của nhân dân khắp vùng.

Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh là dòng thiền mới, tiêu biểu của vùng đất Quảng Nam do Thiền sư Minh Hải khai sáng tại chùa Chúc Thánh tại Hội An. Đến cuối thế kỷ XVIII, dòng Chúc Thánh đã hình thành ba trung tâm hoàng pháp: trung tâm Hội An nằm ở phía Đông với các Tổ đình Chúc Thánh, Vạn Đức, Phước Lâm; trung tâm Ngũ Hành Sơn nằm ở phía Bắc với hai ngôi quốc tự Tam Thai và Linh Ứng; trung tâm Đại Lộc nằm ở phía Tây với Tổ đình Cổ Lâm. Không chỉ phát triển mạnh ở Quảng Nam mà tầm ảnh hưởng của dòng

Chúc Thánh còn lan rộng vào các tỉnh phía Nam như Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Gia Định.

Chính các tông phái Phật giáo này cùng với sự nỗ lực hoàng dương của các sư tăng đã đào tạo nên nhiều danh tăng tài đức làm cơ sở cho sự phát triển của Phật giáo Quảng Nam ở những giai đoạn sau. Đồng thời, với việc tiếp cận được nhiều tông phái khác nhau, tín đồ Phật giáo tại vùng đất này cũng có cơ hội tiếp thu được nhiều quan điểm khác nhau về kinh điển, giáo thuyết Phật giáo từ đó tạo nên bản sắc riêng cho đời sống tôn giáo của chính mình.

3. Kết luận

Qua một loạt chùa chiền được xây dựng cùng với sự có mặt của nhiều bậc danh tăng và các dòng thiền, tông phái mới, chúng ta đã phân nào hình dung được diện mạo của Phật giáo Quảng Nam dưới thời các chúa Nguyễn. Đó là một diện mạo đầy khởi sắc với sự đa dạng, phong phú của các ngôi chùa, của các hoạt động Phật giáo. Diện mạo đó đã đánh dấu một giai đoạn phát triển của Phật giáo Quảng Nam nói riêng và Phật giáo Đàng Trong nói chung. Góp phần làm nên sự phát triển đó phải kể đến công lao của các chúa Nguyễn. Chính chính sách ưu ái, hậu đãi của các chúa đã giúp Phật giáo Quảng Nam được phục hưng. Và bắt đầu từ đây, Phật giáo Việt Nam được khôi phục và phát triển, trở thành một bộ phận quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt trong quá khứ lẫn hiện tại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Lam Chân Tuệ Định (2008), *Lược sử Phật giáo Đà Nẵng*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Hiền Đức (1995), *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*, NXB TP Hồ Chí Minh.
- [3] Li Tana (1999), Nguyễn Nghị dịch, *Xứ Đàng Trong – lịch sử kinh tế – xã hội Việt Nam thế kỉ XVII-XVIII*, Nguyễn Nghị dịch, NXB Hà Nội.
- [4] Thạch Phương, Nguyễn Đình An (chủ biên) (2010), *Địa chí Quảng Nam – Đà Nẵng*, NXB Khoa học Xã hội.
- [5] Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam Thực lục tiền biên*, tập 1, NXB Giáo dục.
- [6] Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại ký sự*, xuất bản Viện Đại học Huế.
- [7] Sở Văn hóa Thông tin Quảng Nam (2002), *Vai trò lịch sử dinh trấn Quảng Nam*, Kỷ yếu hội thảo

khoa học “Vai trò lịch sử dinh trấn Quảng Nam”, Quảng Nam.

[8] Lê Mạnh Thát (1999), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* (tập 1), NXB Thuận Hóa.